

CÔNG TY CỔ PHẦN ACZ ACCESSARY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ACZ ACCESSARY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ACZ ACCESSARY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ACZ ACCESSERY

2. Mã số doanh nghiệp: 3703100003

3. Ngày thành lập: 26/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 18A đường D1, khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 028.6270.6828

Fax:

Email: aczaccessary@gmail.com

Website: www.aczaccessary.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con; Bán buôn xe có động cơ khác: xe cứu hỏa, xe cứu thương, phương tiện phòng cháy chữa cháy	4511
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
7.	Bán mô tô, xe máy	4541
8.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép inox, nhôm các loại	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các thiết bị máy móc về phòng cháy chữa cháy (hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động hệ thống cấp thoát nước chữa cháy trong và ngoài công trình); Kinh doanh phurong tiện thiết bị vật tư phòng cháy và chữa cháy; Bán buôn thang máy. Bán buôn keo công nghiệp, mực in, giấy công nghiệp	4669(Chính)
19.	Khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	0220
20.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác củi, luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây	0231
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
22.	Lập trình máy vi tính	6201
23.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
24.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
25.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật).	6619
26.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
27.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý)	6820
28.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
29.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
30.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
31.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
33.	Quảng cáo	7310
34.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710
37.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (không hoạt động tại trụ sở)	0722
38.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
39.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
40.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
41.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
42.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
43.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
44.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
45.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
46.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
47.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
48.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
49.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
50.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất keo, nhựa công nghiệp	2220
51.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
52.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
53.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
54.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
55.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
56.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị linh kiện phụ tùng xe mô tô, ô tô	2930
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định) (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).	5229
60.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định)	5510

61.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
62.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
63.	Đại lý du lịch	7911
64.	Điều hành tua du lịch	7912
65.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
66.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3312
67.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
68.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
69.	Tái chế phế liệu	3830
70.	Xây dựng nhà để ở	4101
71.	Xây dựng nhà không để ở	4102
72.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
73.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
74.	Xây dựng công trình điện	4221
75.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
76.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
77.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
78.	Xây dựng công trình thủy	4291
79.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
80.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
81.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
82.	Phá dỡ	4311
83.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
84.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
86.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở).	4773
87.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 8.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 26/12/2022 đến ngày 25/01/2023

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TẠ NGỌC BÍCH	125 Đường 3, khu phố 3, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	258.000	2.580.000.000	30,000	0400820010 27	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	258.000	2.580.000.000	30,000		
2	NGUYỄN THẾ NAM	63/47/12/6 đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	258.000	2.580.000.000	30,000	0400820009 85	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	258.000	2.580.000.000	30,000		

3	NGUYỄN XUÂN SƠN	Số 229/16 đường Hai Bà Trưng, khu phố Đông Tác, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	344.000	3.440.000.000	40,000	040082001454
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	344.000	3.440.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/09/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040082001454

Ngày cấp: 26/07/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 144 đường 42, khu phố 5, Phường Bình Trưng Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 229/16 đường Hai Bà Trưng, khu phố Đông Tác, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương